TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 6 – 2025
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh

Ông Hồ Minh Chí

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị **Lương Tuyết L**, sinh năm: 1976. (có mặt)

Đăng ký thường trú: Khóm A, Phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh **Danh Thế P**, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Đăng ký thường trú: Khóm A, Phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Khóm A, Phường TX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa, chị Lương Tuyết L trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Danh Thế P chung sống với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau ngày 24/7/2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 323 ngày 24/7/2004 của Ủy ban nhân dân xã AX). Quá trình chung sống, chị và anh P phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh P không phụ chị tài chính để nuôi con, anh P cũng không lo phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên nhậu, nhậu về chửi vợ con nặng lợi trong thời gian dài, nhiều lần đánh chị. Mâu thuẫn kéo dài từ cách đây khoảng 10 năm nhưng chị đã cố gắng chịu đựng.

Dù vậy anh P vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Đến nay chị không còn khả năng chịu đựng anh P. Chị không còn tình cảm dành cho anh P. Hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và cũng đã ly thân. Nay chị xin ly hôn anh Danh Thế P.

- Về con chung: Chị và anh Danh Thế P có 02 người con chung là Danh Thị Diễm H1, sinh ngày 11/5/2002 và Danh Thị Diễm H2, sinh ngày 12/5/2007. Các con đã trưởng thành, chị không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh P không có nợ chung.

Đối với anh Danh Thế P: Toà án đã thông báo cho anh P về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh P đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh P đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh P vẫn vắng mặt, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lương Tuyết L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Tuyết L và anh Danh Thế P có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị L xin ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh P cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà anh P vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh P theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Lương Tuyết L và anh Danh Thế P sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị L và anh P được pháp luật công nhận. Chị L xác định thời gian chị và anh P chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được do anh P không lo cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên nhậu, đánh chị, chửi chị và các con của anh chị. Sự việc kéo dài mà anh P không thay đổi. Vợ chồng không còn quan tâm nhau và đã ly thân. Chị không còn tình cảm dành cho anh P và cũng không còn khả năng chịu đựng cuộc sống chung với anh P. Hôn nhân không hạnh phúc, chị cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị L và anh P xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Anh P đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh P vẫn vắng mặt; anh P cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến phản đối của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Điều đó thể hiện anh P không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị L. Chị L và anh P không còn chung sống đời sống vợ chồng và chị L cương quyết ly hôn anh P. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của chị L và anh P về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của anh, chị cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Tuyết L.

[3] Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 người con chung là Danh Thị Diễm H1, sinh ngày 11/5/2002 và Danh Thị Diễm H2, sinh ngày 12/5/2007. Các con của chị L và anh P đã trưởng thành. Chị L, anh P không ai đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định chị và anh P không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Tuyết L về việc xin ly hôn anh Danh Thế P.

2 - Về con chung: Có 02 người con chung là Danh Thị Diễm H1, sinh ngày 11/5/2002 và Danh Thị Diễm H2, sinh ngày 12/5/2007. Chị L và anh P không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng nên không xem xét.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Tuyết L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11/3/2025, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0010466) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Lương Tuyết L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Danh Thế P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân